TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15 – 02 – 2024
V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp
Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc – *Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 15 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 698/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 344/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông Phan Văn T, sinh năm: 1968. Địa chỉ cư trú: đường L.T, khóm B, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

**** Bị đơn:*** Bà Phạm Thị Đ, sinh năm: 1966. Địa chỉ cư trú: Nhà không số, đường L.H, khóm B, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/12/2023, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Phan Văn T và bà Phạm Thị Đ chung sống như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 2010 ông bà có nhiều mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nay ông T yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận mối quan hệ của ông và bà Đ là vợ chồng.

Về con chung: Có hai người con chung tên Phan Hoài L sinh ngày 25/4/1996 và Phan Thị B sinh ngày 18/01/1998. Hiện con đã trưởng thành không yêu cầu xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tung cho bà Phạm Thị Đ để thông báo nội dụng yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T nhưng bà Đ không đến Tòa án theo văn bản triệu tập cũng không gửi ý kiến của bà về yêu cầu khởi kiện của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Phan Văn T và bà Phạm Thị Đ chung sống với nhau vào năm 1994, không đăng ký kết hôn. Ông T yêu cầu ly hôn với bà Đ. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn và nhân gia đình. Căn cứ vào quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với bà Phạm Thị Đ, Tòa án tống đạt trực tiếp giấy triệu tập bà Đ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai và phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng và Đ đều vắng mặt không rõ lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông T và bà Đ chung sống có con chung nhưng không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của ông bà không hợp pháp không được pháp luật bảo vệ. Nay ông T yêu cầu ly hôn với bà Đ. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình, không công nhận mối quan hệ giữa ông T và bà Đ là vợ chồng.

[4] Về con chung: Hai người con chung tên Phan Hoài L, sinh ngày 25/4/1996 và Phan Thị B sinh ngày 18/01/1998. Hiện các người con đã trưởng thành, có khả năng tự sinh sống, ông T không yêu cầu xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định ông bà không có tài sản chung, không có nợ chung. Bà Đ không có ý kiến về nội dung này. Đến nay không ai yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm trả nợ của ông T và bà Đ. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ của ông Phan Văn T và bà Phạm Thị Đ là vợ chồng.

Về con chung: Hai người con chung Phan Hoài L, sinh ngày 25/4/1996 và Phan Thị B sinh ngày 18/01/1998, đã trưởng thành. Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* ông Phan Văn T phải nộp. Ngày 05/12/2023 ông Phan Văn T đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai số 0007742 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

Phan Thị Thu